TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2020/DS-PT

Ngày 03 - 8 - 2020

V/v yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Hợp đồng thế chấp

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh;

Bà Nguyễn Thu Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký TAND Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội***: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2020, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc: "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Hợp đồng thế chấp".

Do bản án sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2020/QĐXX-PT ngày 06/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1933. Trú tại: Số 28 ngõ 263 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền* là bà Trịnh Cẩm Bình. Cư trú tại: Phòng 501, số 5, phố Bà Triệu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. Có mặt bà Bình.

***2. Bị đơn*:**

2.1.Văn phòng công chứng Việt. Địa chỉ: Số 219C Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Phạm Quang Hưng - Trưởng văn phòng. *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Bùi Nhật Thuấn. Vắng mặt.

2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng. Địa chỉ: Số 22 phố Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng*: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Theo Hợp đồng ủy quyền số 16/VAMC-LienVietPostBank ngày 19/12/2013). *Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt*: Ông Nguyễn Việt Thắng, bà Đặng Thùy Giang. Có mặt người đại diện theo ủy quyền.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển An Hưng. Địa chỉ: Thôn Đông Ba, xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Trương Đăng Công - Giám đốc. Vắng mặt.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt. Địa chỉ: Số 297

Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Dương Công Minh - Chủ tịch HĐQT. *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Việt Thắng, bà Đặng Thùy Giang - Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

3.3. Ông Hồ Ngọc Hải, sinh năm 1957. Cư trú tại: Số 28 ngõ 263 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền* là bà Phùng Thị Thanh Tần, sinh năm 1973. Cư trú tại: Thôn Hàn Lạc, xã Phúc Thụy, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng - là bị đơn. Có mặt người đại diện theo ủy quyền.

4.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Có mặt người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Hải là con của cụ Chung. Ông Hải có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên đã nhờ ông Công – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển An Hưng (*Sau đây viết tắt là*: Công ty An Hưng) vay 1.800.000.000 đồng. Ông Công đồng ý với điều kiện gia đình phải dùng tài sản thế chấp để ông Công vay ngân hàng hộ.

Ngày 30/3/2011, tại Văn phòng công chứng Việt (*Sau đây viết tắt là*: VPCC Việt): Cụ Chung đã ký Hợp đồng thế chấp công chứng số 110849, quyển số 09/HĐTC (*Sau đây viết tắt là*: HĐTC số 110849) với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – chi nhánh Đông Đô (*Sau đây viết tắt là*: Ngân hàng Liên Việt) với nội dung thỏa thuận là: Cụ Chung thế chấp Quyền sử dụng đất thửa đất số 95, tờ bản đồ số 5E-II-28 (*sau đây viết tắt là*: thửa đất số 95), tại địa chỉ: Số 71, ngõ 1 tổ 56, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của cụ Chung theo "Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 10111110609 (*Sau đây viết tắt là*: GCNQSDĐ số 10111110609) với Ngân hàng Liên Việt nhằm nhờ ông Công - Giám đốc Công ty An Hưng vay hộ ông Hải 1.800.000.000 đồng.

Tại buổi ký HĐTC số 110849, ngoài cụ Chung và đại diện Ngân hàng Liên Việt không còn ai khác tham gia chứng kiến việc giao kết hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, cụ Chung ra về mà không nhận bản HĐTC số 110849 đã ký. Khi giao dịch cụ Chung đã 80 tuổi, cụ Chung không được xem trực tiếp HĐTC số 110849 mà chỉ được nghe công chứng viên đọc lại với nội dung là "Hợp đồng vay 1.800.000.000 đồng". Ngày hôm sau (sau ngày ký HĐTC số 110849), ông Công mang 1.800.000.000 đồng đến nhà cụ Chung giao cho ông Hải. Khi ký HĐTC số 110849 không có ai là Trương Thị Thu Hiền chứng kiến. Khi cụ Chung đến VPCC Việt xin cấp HĐTC số 110849 thì mới thấy có tên Trương Thị Thu Hiền ký vào hợp đồng với tư cách người làm chứng và nội dung hợp đồng là bảo lãnh khoản vay của Công ty An Hưng hơn 6 tỷ đồng.

Trước khi ký HĐTC số 110849 thì năm 2010, cụ Chung đã ủy quyền cho ông Hải được quyền quản lý, sử dụng, tặng cho, thế chấp, chuyển nhượng nhà đất thửa đất số 95 tại Phòng công chứng số 1. Thời hạn ủy quyền là 10 năm. Do đó thời điểm cụ Chung ký hợp đồng bảo lãnh tại VPCC Việt thì cụ Chung chưa hủy

ủy quyền tài sản cho ông Hải, không thông báo cho ông Hải biết việc cụ Chung đi thực hiện giao kết hợp đồng liên quan đến nhà đất thửa đất số 95.

Khoảng tháng 5/2012, Ngân hàng có giấy mời cụ Chung đến làm việc về việc phát mại tài sản để trả nợ cho Công ty An Hưng với số tiền nợ gốc hơn 6 tỷ đồng. Ngày 17/9/2013, Ngân hàng thông báo cho cụ Chung thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty An Hưng. Nếu không trả nợ thay thì Ngân hàng sẽ xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Cụ Chung khởi kiện đề nghị: Tuyên văn bản công chứng ngày 30/3/2011 là HĐTC số 110849 tại VPCC Việt vô hiệu; Yêu cầu hủy HĐTC số 110849.

2. Bị đơn

2.1. Văn phòng công chứng Việt trình bày:

Ngày 30/3/2011, cụ Chung cùng bà Vân (*đại diện Ngân hàng Liên Việt*), ông Công đến VPCC Việt để thực hiện hợp đồng bảo lãnh, thế chấp tài sản

Sau khi tiếp nhận hồ sơ do các bên cung cấp, đối chiếu với bản gốc thấy đầy đủ, chính xác, phù hợp với quy định pháp luật nên VPCC Việt đã tiếp nhận, thụ lý và ghi vào sổ công chứng. Văn phòng đã soạn thảo dự thảo hợp đồng và đưa cho các bên liên quan xem. Khi các bên đọc hợp đồng thế chấp, vì cụ Chung đọc chậm nên cụ có đưa cho 02 người đi cùng đọc lại hợp đồng cho cụ Chung nghe. Khi thấy giữa các bên chưa thống nhất về hợp đồng nên VPCC Việt đã cẩn thận yêu cầu cụ Chung mời người làm chứng nhưng cụ Chung không mời; VPCC Việt đã mời bà Trương Thị Thu Hiền - bán hàng cà phê ở cạnh Văn phòng tham gia làm chứng. Công chứng viên đưa bản hợp đồng cho cụ Chung và bà Hiền đọc (bà Hiền đọc hay không thì không rõ). Công chứng viên đọc nội dung hợp đồng cho các bên nghe, cụ Chung ký và điểm chỉ vào Hợp đồng, bà Hiền ký người làm chứng.

Tại thời điểm công chứng HĐTC số 110849 chưa có hệ thống công chứng của Sở Tư pháp và không có văn bản nào buộc Văn phòng công chứng phải kiểm tra tại các phòng công chứng khác xem tài sản cụ Chung dùng bảo lãnh có bị hạn chế bởi giao dịch khác đã được công chứng hay chưa nên VPCC Việt thực hiện công chứng bình thường. Nếu cụ Chung che giấu một giao dịch hay quan hệ khác thì lỗi thuộc về cụ Chung, không thuộc về VPCC Việt.

VPCC Việt khẳng định đã thực hiện công chứng HĐTC số 110849 theo đúng trình tự quy định. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (*Sau đây viết tắt là*: VAMC).

Ngày 19/12/2013, Ngân hàng Liên Việt đã ký Hợp đồng bán nợ số 16 bán khoản nợ mà Công ty An Hưng nợ Ngân hàng Liên Việt theo Hợp đồng tín dụng số 12411/013/NHHM (*Sau đây viết tắt là*: HĐTD số 12411) cho VAMC. Nên là người được thụ hưởng quyền, nghĩa vụ từ HĐTD số 12411 và HĐTC số 110849

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,VAMC không nhất trí. Vì:

Ngày 31/3/2011, Ngân hàng Liên Việt đã ký HĐTD số 12411 cho Công ty An Hưng vay số tiền hơn 15 tỷ đồng (*theo Điều 1 của HĐTD số 12411*). Biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định tại Điều 6 của HĐTD số 12411. Trong hai khối tài sản đảm bảo thì cụ Chung đã thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 95 GCNQSDĐ số 10111110609 (*thỏa thuận tại Điều 1, Điều 2 HĐTC số 110849*) với Ngân hàng Liên Việt để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty An Hưng với Ngân hàng Liên Việt tối đa là 6.378.400.000 đồng.

Theo hồ sơ mua bán nợ và các tài liệu kèm theo VAMC xác định: VPCC Việt đã công chứng HĐTC số 110849 theo yêu cầu của cụ Chung và Ngân hàng Liên Việt đúng quy định pháp luật. Cụ Chung tự nguyện đưa tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 95 GCNQSDĐ số 10111110609 để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty An Hưng. Khi ký HĐTC số 110849, cụ Chung là người trực tiếp ký hợp đồng. Thời điểm ký HĐTC số 110849, cụ Chung không cung cấp thông tin cho Ngân hàng biết là trước đó cụ Chung đã ủy quyền tài sản thế chấp cho ông Hải nên HĐTC số 110849 đã ký là hợp pháp. Nếu có tranh chấp thì lỗi hoàn toàn thuộc về cụ Chung.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Công ty An Hưng do ông Công là đại diện theo pháp luật trình bày:

Do quen biết ông Hải, bà Thủy là con của cụ Chung nên ông đã giúp gia đình ông Hải vay gần 6 tỷ đồng. Đến khoảng tháng 02/2011, ông Hải, bà Thủy lại nhờ ông vay hộ 1,8 tỷ đồng để rút tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Do không còn khả năng vay hộ nữa nên ông có nói với ông Hải là phải thế chấp tài sản để vay ngân hàng. Ông Hải có nói nhờ ông đứng ra vay hộ và thế chấp tài sản của cụ Chung. Ông không trao đổi trực tiếp với cụ Chung mà chỉ đến khi đến VPCC Việt mới gặp cụ Chung. Ngày 30/3/2011 ông cùng cụ Chung, ông Hải, bà Thủy (*con cụ Chung*) và Ngân hàng Liên Việt đã đến VPCC Việt. Ông Hải đã giải thích với cụ Chung là bảo lãnh cho Công ty An Hưng vay tiền để ông vay tiền cho ông Hải và hai bên nhất trí. Việc cụ Chung bảo lãnh là tự nguyện, không được hưởng lợi gì từ việc bảo lãnh cho Công ty An Hưng. Trực tiếp ông Hải, bà Thủy đọc lại hợp đồng cho cụ Chung nghe, cụ Chung cũng cầm hợp đồng nhưng do mắt kém nên đọc chậm. Sau khi ông Hải đọc lại hợp đồng, cụ Chung đã nhất trí nội dung, ký và điểm chỉ vào Hợp đồng.

Do hôm ký HĐTC số 110849, tại VPCC Việt đông người nên ông không biết có bà Hiền hay không và ông không biết bà Hiền là ai. Ông không trực tiếp ký HĐTC số 110849 mà chỉ là người được bảo lãnh để vay tiền Ngân hàng.

Ngày 31/3/2011, Ngân hàng Liên Việt đã cho Công ty An Hưng vay tiền theo HĐTD số 12411. Cùng ngày, Ngân hàng giao cho ông HĐTC số 110849 để ông giao cho cụ Chung thì hợp đồng đã có chữ ký của bà Hiền là người làm chứng. Tối ngày 31/3/2011, ông đến nhà ông Hải để giao bản Hợp đồng và đưa cho ông Hải vay 1,8 tỷ đồng. Việc giao tiền và Hợp đồng không có giấy biên nhận.

Do Công ty An Hưng chưa trả tiền cho Ngân hàng nên cụ Chung phải có trách nhiệm phát mại tài sản đã thế chấp bảo đảm để trả nợ; nghĩa vụ về tài sản giữa Công ty và cụ Chung sẽ giải quyết sau khi có yêu cầu. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc vay nợ giữa ông với ông Hải, bà Thủy ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này

3.2. Ngân hàng Liên Việt - đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nhất trí với trình bày của bị đơn VAMC. Cụ Chung tự nguyện đưa tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 95 GCNQSDĐ số 10111110609 để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty An Hưng với Ngân hàng Liên Việt. Khi ký HĐTC số 110849, cụ Chung là người trực tiếp ký hợp đồng. Tại VPCC Việt, có đại diện Ngân hàng Liên Việt, đại diện Công ty An Hưng, cụ Chung và ông Hải, bà Thủy (là con cụ Chung) đi cùng để thực hiện. Việc cho vay của Ngân hàng Liên Việt là đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật. Khoản

nợ mà Công ty An Hưng còn nợ, Ngân hàng Liên Việt đã bán cho VAMC nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết bảo vệ quyền lợi của VAMC.

3.3. Ông Hải và đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ngày 18/3/2010, ông Hải được cụ Chung ủy quyền toàn bộ quyền về tài sản là nhà đất tại thửa đất số 95, thời hạn ủy quyền là 10 năm, không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Khoảng tháng 3/2011, ông có nhu cầu vay 1,8 tỷ đồng. Qua giới thiệu, ông Hải biết ông Công là Giám đốc Công ty An Hưng có khả năng vay tiền giúp. Ông Hải trao đổi với ông Công thì ông Công nói phải có tài sản thế chấp với Ngân hàng mới vay được tiền. Ông Hải trao đổi và cụ Chung đồng ý thế chấp nhà đất của cụ tại thửa đất số 95 để ông Công vay hộ ông 1,8 tỷ đồng. Ngày 30/3/2011, ông Công đưa cụ Chung đến VPCC Việt để ký HĐTC số 110849. Quá trình cụ Chung thực hiện giao dịch tại VPCC Việt thì ông Hải không biết, không tham gia.

Ngày 31/3/2011, ông Công đến nhà và đưa cho ông Hải vay 1,8 tỷ đồng. Khi đưa tiền hai bên không viết giấy tờ gì.

Tháng 5/2012, gia đình ông được Ngân hàng Liên Việt thông báo việc phát mại tài sản là nhà đất theo HĐTC số 110849 thì gia đình mới được biết cụ Chung ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty An Hưng đến số tiền hơn 6 tỷ đồng không phải 1,8 tỷ đồng như ông Công vay hộ bằng tài sản mà ông Hải đã được ủy quyền nhưng cụ Chung chưa hủy hợp đồng ủy quyền và cũng không thông báo về việc cụ dùng tài sản bảo lãnh cho khoản vay đến hơn 6 tỷ đồng. Gia đình ông Hải nhận bản sao HĐTC số 110849 thì mới biết nội dung và thành phần tham gia ký Hợp đồng. Ông hỏi cụ Chung thì được biết cụ không được đọc Hợp đồng, Văn phòng công chứng đưa giấy tờ gì thì cụ ký và tại buổi ký Hợp đồng không có ai là bà Hiền. Sau khi ký hợp đồng, cụ Chung không được nhận bản đồng nào nên không biết nội dung bảo lãnh cho khoản vay hơn 6 tỷ đồng. Cụ chỉ được công chứng viên nói bảo lãnh cho khoản vay 1,8 tỷ đồng. Hợp đồng ủy quyền ngày 18/3/2010 vẫn còn hiệu lực. Nhất trí với khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản án sơ thẩm (***lần 1***) số 08/2014/DSST ngày 26/8/2014 của TAND quận Cầu Giấy, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Chung

Tuyên bố văn bản công chứng số 110849, quyển số 09/HĐTC tại Hợp đồng thế chấp giữa bà Chung và Ngân hàng Liên Việt – chi nhánh Đông Đô ngày 30/3/2011 của VPCC Việt vô hiệu.

Hủy Hợp đồng thế chấp giữa bà Nguyễn Thị Chung và Ngân hàng Liên Việt ngày 30/3/2011 được ký tại VPCC Việt số công chứng 110849, quyển số 09/HĐTCC

....

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm số 08/2014/DSST. VPCC Việt và Ngân hàng Liên Việt có đơn kháng cáo; Viện trưởng VKSND quận Cầu Giấy ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT/VKS.

* Tại bản án phúc thẩm số 252/2014/DSPT ngày 13/11/2014 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 47/2011/TB-TA ngày 19/11/2014, TAND Thành phố Hà Nội xử: *Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2014/DSST ngày 26/8/2014 của TAND quận Cầu Giấy*.

* Ngày 28/10/2015, Chánh án TAND cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị số 14/2015/KN-DS đối với bản án phúc thẩm số 251/2014/DSPT

ngày 13/11/2014 của TAND Thành phố Hà Nội. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và hủy bản án sơ thẩm số 08/2014/DSST ngày 26/8/2014 của TAND quận Cầu Giấy.

* Quyết định giám đốc thẩm số 02/2016/DS-GĐT ngày 21/01/2016; Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội quyết định: *Hủy toàn bộ bản án phúc thẩm số 251/2014/DSPT ngày 13/11/2014, Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 47/2011/TB-TA ngày 19/11/2014 của TAND Thành phố Hà Nội và Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2014/DSST ngày 26/8/2014 của TAND quận Cầu Giấy. Giao hồ sơ vụ án cho TAND quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm lại*.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 26/8/2019, TAND quận Cầu Giấy xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Chung

Tuyên bố văn bản công chứng - số công chứng 110849, quyển số 09/HĐTC tại Hợp đồng thế chấp giữa bà Nguyễn Thị Chung và Ngân hàng TMCP Liên Việt – chi nhánh Đông Đô ngày 30/3/2011 của VPCC Việt vô hiệu.

Hủy hợp đồng thế chấp giữa bà Nguyễn Thị Chung và Ngân hàng TMCP Liên Việt – chi nhánh Đông Đô ngày 30/3/2011 được ký tại VPCC Việt – số công chứng 110849, quyển số 09/HĐTC

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ án phí các đương sự phải chịu và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Bị đơn là VAMC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Liên Việt kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 26/8/2019 của TAND Quận Cầu Giấy. Đề nghị xem xét theo trình tự phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị xem xét lại việc cấp sơ thẩm xác định VAMC là bị đơn.

Ngày 23/7/2020, đại diện VAMC, Ngân hàng Liên Việt nộp văn bản xin rút 01 phần kháng cáo đề nghị xem xét lại việc cấp sơ thẩm xác định VAMC là bị đơn. Thừa nhận: Tại phiên tòa sơ thẩm; cấp sơ thẩm xác định VAMC là bị đơn là phù hợp, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ tố tụng của VAMC.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm**:

Đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo (VAMC, Ngân hàng Liên Việt) thống nhất trình bày tranh luận:

HĐTC số 110849 được VPCC Việt thực hiện công chứng đúng ý chí, nguyện vọng của các bên; không ai bị lừa dối, ép buộc. Cụ Chung tuổi cao nhưng nhận thức, sức khỏe vẫn bình thường. Theo Luật công chứng, không bắt buộc phải mời người làm chứng khi cụ Chung ký hợp đồng nhưng công chứng viên đã mời bà Hiền là người làm chứng. Hơn nữa cho đến nay và khi khởi kiện tại Tòa án, cụ Chung vẫn tự làm các bản tự khai và giao dịch ủy quyền cho bà Trịnh Cẩm Bình tham gia tố tụng được xác định là hợp lệ.

VAMC và Ngân hàng Liên Việt khẳng định HĐTC số 110849 nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả khoản nợ mà Công ty An Hưng vay của Ngân hàng Liên Việt. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy HĐTC số 110849 ngày 30/3/2011 là không có căn cứ pháp luật. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của cụ Chung là bà Bình trình bày: Nhất trí với bản án sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 26/8/2019 của TAND quận Cầu Giấy. Tại thời

điểm ký HĐTC số 110849, cụ Chung đã cao tuổi nên cụ không tự đọc được HĐTC số 110849. Tại bản tự khai, VPCC Việt đã trình bày cụ Chung đọc chậm nên Văn phòng mời người làm chứng là bà Hiền để đọc lại cho cụ Chung nghe. Việc xác định có bà Hiền tham gia hay không nhằm xác định cụ Chung đã được nghe và được giải thích rõ về các điều khoản của hợp đồng không. Theo luật công chứng thì cụ Chung không thuộc đối tượng phải có người làm chứng khi ký Hợp đồng nhưng do VPCC Việt nhận thức được tình trạng của cụ Chung cần có người làm chứng nên mời bà Hiền làm chứng. Tuy nhiên theo lời khai của một số người có mặt tại buổi ký kết (*đại diện Ngân hàng, đại diện Công ty An Hưng*) trình bày không có căn cứ để xác định bà Hiền có mặt. Do vậy, xác định cụ Chung không biết rõ nội dung HĐTC số 110849. Mặc dù chưa có văn bản của cơ quan Nhà nước nào xác nhận cụ Chung mất năng lực hành vi dân sự nhưng căn cứ lời khai của các đương sự thì cụ Chung khi ký HĐTC số 110849 rất khó để đọc được văn bản công chứng là HĐTC số 110849.

Ông Hải, con cụ Chung cần và cũng chỉ được ông Công cho vay 1,8 tỷ đồng. Nên việc Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay hơn 6 tỷ đồng là không đúng. HĐTC số 110849 không ghi rõ thế chấp bảo lãnh cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nào với số tiền bao nhiêu. Nên cụ Chung không thể biết phải dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay hơn 6 tỷ đồng.

Về bản chất, cụ Chung dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty An Hưng với Ngân hàng nhưng VPCC Việt lại lập "Hợp đồng thế chấp" là không đúng pháp luật. Vì quy định quyền, nghĩa vụ tại "Hợp đồng thế chấp" khác với quyền, nghĩa vụ của "Hợp đồng bảo lãnh".

VPCC Việt trong bản tự khai tại Tòa án cho rằng việc công chứng đã thực hiện đúng quy định pháp luật nhưng cũng trình bày khi ký Hợp đồng thì cụ Chung và những người đi cùng có sự mâu thuẫn. Do đó cụ Chung đã có sự tác động, không hoàn toàn xuất phát từ chính ý chí của cụ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hải nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của bà Bình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa, không gửi văn bản bổ sung ý kiến với Tòa cấp phúc thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án

*** Đại diện VKSND Tp. Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:**

- **Về tố tụng**: Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

- **Về nội dung**:

HĐTC số 110849 được các bên giao kết phù hợp với quy định pháp luật; Cụ Chung khi ký HĐTC số 110849 không thuộc trường hợp bắt buộc phải có người làm chứng. Do vậy có bà Hiền tham gia ký là người làm chứng không ảnh hưởng đến tính tự nguyện của các bên. Việc nguyên đơn cho rằng khi ký HĐTC số 110849 thì cụ Chung đã ủy quyền định đoạt quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông Hải. Tuy nhiên việc ủy quyền này không làm mất đi

quyền của của cụ Chung đối với tài sản của mình. Xác định VPCC Việt công chứng tại HĐTC số 110849 là phù hợp với quy định pháp luật. HĐTC số 110849 là cụ Chung dùng tài sản thuộc quyền của mình để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ của Công ty An Hưng với Ngân hàng Liên Việt đúng quy định pháp luật có hiệu lực pháp luật. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của VAMC và Ngân hàng Liên Việt.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 26/8/2019 của TAND quận Cầu Giấy theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định. Xác định người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo hợp lệ.

Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn là VPCC Việt, Công ty An Hưng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung

2.1. Xét kháng cáo của bị đơn VAMC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Liên Việt:

2.1.1. Về yêu cầu xem xét lại việc cấp sơ thẩm xác định VAMC là bị đơn:

Ngày 23/7/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của VAMC, Ngân hàng Liên Việt có đơn xin rút 01 phần kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về việc yêu cầu xem xét lại việc cấp sơ thẩm xác định VAMC là bị đơn và khẳng định: Cấp sơ thẩm xác định VAMC là bị đơn là đúng; quyền, nghĩa vụ tố tụng của VAMC đã được đảm bảo. Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của người kháng cáo.

2.1.2. Xét yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy:

Tại thời điểm công chứng, cụ Chung 78 tuổi. Công chứng viên thấy cụ Chung đã cao tuổi, mặc dù không thuộc trường hợp pháp luật quy định phải có người làm chứng theo khoản 1 Điều 9 Luật công chứng 2006 nhưng công chứng viên đã mời người làm chứng là bà Hiền tham gia. Bà Hiền đáp ứng đủ các điều kiện về người làm chứng trong công chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật công chứng 2006. Tại Bản tường trình của bà Hiền ngày 10/11/2014, bà Hiền đã trình bày: *"Bà Chung sau khi nghe, anh Hưng hỏi bà đã nghe, đã hiểu chưa? Bà Chung trả lời đã được nghe và hiểu nội dung hợp đồng đồng thời có mấy người bên cạnh cũng đọc. Tôi thấy anh Hưng đọc đúng nội dung hợp đồng mà tôi cầm tay. Sau khi bà Chung tự nguyện ký vào các trang trong hợp đồng mà không có ý kiến nào khác, tôi có ký xác nhận việc làm chứng vào trang cuối hợp đồng…."*

Cụ Chung cũng thừa nhận dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 95 GCNQSDĐ số 10111110609 thế chấp với nhân hàng Liên Việt để Công ty An Hưng vay 1.800.000.000 đồng cho ông Hải.

Như vậy có đủ căn cứ xác định cụ đã hiểu rõ về việc ký HĐTC số 110849 nhằm vay tiền cho ông Hải, không có căn cứ chứng minh việc cụ bị ép buộc, lừa dối.

Cụ Chung tự nguyện đưa tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 95 theo GCNQSDĐ số 10111110609 thế chấp với Ngân hàng Liên Việt nhằm đảm bảo một phần nghĩa vụ trả nợ cho Công ty An Hưng đã vay của Ngân hàng Liên Việt là phù hợp với quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 (khoản 1 Điều 3 quy định: "*Bên bảo đảm là bên có nghĩa vụ hoặc người thứ ba cam kết bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, bao gồm bên cầm cố, bên thế chấp, bên đặt cọc, bên ký cược, bên ký quỹ, bên bảo lãnh và tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở trong trường hợp tín chấp*"). Xác định Văn bản công chứng là HĐTC số 110849 chính là "Hợp đồng thế chấp".

Điều 362 Bộ luật dân sự năm 2005 (*Sau đây viết tắt là*: BLDS2005) quy định: "*Việc bảo lãnh phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực"*; Điểm a khoản 1 Điều 130 Luật đất đai năm 2003 quy định: *"Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất phải có chứng nhận của công chứng Nhà nước"*. Văn bản công chứng là HĐTC số 110849 được lập thành văn bản giữa bên thế chấp là cụ Chung - bên nhận thế chấp Ngân hàng Liên Việt, được công chứng tại VPCC Việt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 401 BLDS 2005.

HĐTC số 110849 các bên tham gia giao kết đã thỏa thuận:

"Điều 1. Nghĩa vụ bảo đảm

1.1. Bên A đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty TNHH phát triển An Hưng đối với bên B.....

1.2. Nghĩa vụ được bảo đảm là: Bên A đồng ý thế chấp và Bên B đồng ý nhận tài sản thế chấp quy định trong hợp đồng thế chấp này để đảm bảo thực hiện tất cả các nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên B....."

Nghĩa vụ của Công ty An Hưng đối với Ngân hàng Liên Việt được xác định theo HĐTD số 12411. Theo điểm 1.1 Điều 1 của HĐTC số 110849 "*Bên A* (cụ Chung) *đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty TNHH phát triển An Hưng đối với bên B*" và theo điểm 3.3. Điều 3 của HĐTC số 110849, các bên thỏa thuận thì tài sản mà cụ Chung thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ trả khoản nợ là 6.378.400.000 đồng với thời hạn tối đa là 60 tháng. Nếu đến thời hạn trả nợ mà Công ty An Hưng không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng theo HĐTD số 12411 thì tài sản của cụ Chung đã thế chấp được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty An Hưng cho bên nhận bảo lãnh. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2016/DS-GĐT của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội ngày 21/01/2016 đã nhận định: Căn cứ khoản 4 Điều 72 Nghị định 163/2006/NĐ - CP *"Việc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất....theo quy định tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP....được chuyển thành việc thế chấp quyền sử dụng đất……để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác"* để xác định bản chất của HĐTC số 110849 là hợp đồng bảo lãnh.

Việc nguyên đơn trình bày: Công ty An Hưng là bên được bảo lãnh nhưng không trực tiếp tham gia ký vào HĐTC số 110849 ngày 30/3/2011. Pháp luật

không quy định buộc bên được bảo lãnh phải ký vào hợp đồng bảo lãnh. Điều 44 Nghị định 163/2006/NĐ-CP quy định: "*Các bên có thể thoả thuận về việc xác lập giao dịch bảo đảm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên bảo lãnh*". Như vậy pháp luật không bắt buộc bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh phải có văn bản thỏa thuận về việc xác lập giao dịch bảo đảm hoặc cùng ký vào Hợp đồng thế chấp; Hợp đồng bảo lãnh.

Nguyên đơn trình bày: Cụ Chung đã ủy quyền cho ông Hải được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt toàn bộ tài sản của cụ Chung tại thửa đất số 95 theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Phòng công chứng số 1 ngày 18/3/2010 cho đến thời điểm ký HĐTC số 110849 vẫn chưa có văn bản hủy Hợp đồng ủy quyền này. Tuy nhiên: Tại HĐTC số 110849: Bên A (cụ Chung) đã cam kết thông báo cho Bên B (*bên nhận thế chấp*) về quyền của bên khác đối với tài sản thế chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của giấy tờ, thông tin cung cấp cho Bên B. Trước khi ký hợp đồng, cụ Chung không hề thông báo cho Ngân hàng và VPCC Việt biết việc ủy quyền của mình năm 2010. Ngân hàng không thể biết và không buộc phải biết việc tài sản của bên bảo đảm đã được thực hiện giao dịch dân sự khác trước đó. Pháp luật cũng không quy định công chứng viên khi thực hiện công chứng phải đi kiểm tra tại các cơ sở công chứng khác xem tài sản có bị hạn chế bởi giao dịch khác hay không.

Từ những nhận định trên. Có đủ căn cứ xác định: Khi cụ Chung đề nghị VPCC Việt công chứng HĐTC số 110849 thì cụ Chung có đủ năng lực hành vi dân sự; không bị ép buộc, lừa dối. VPCC Việt đã thực hiện việc công chứng đúng quy định pháp luật. HĐTC số 110849 tuân thủ đúng quy định tại các Điều: 342, 343 và 715 BLDS 2005; Khoản 7 Điều 113 và Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Kháng cáo của người kháng cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

***2.2. Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm*:**

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Áp dụng khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của VAMC và Ngân hàng Liên Việt về việc đề nghị xem xét lại việc cấp sơ thẩm xác định VAMC tham gia tố tụng là bị đơn trong vụ án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Án phí:

Cụ Nguyễn Thị Chung là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cụ Chung tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả: Văn phòng công chứng Việt; Ngân hàng Liên Việt và VAMC tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục THADS quận Cầu Giấy.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147,148, 227,228; khoản 3 Điều 284 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Các Điều: 122,342,343,361,362,369,401,715,716 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều: 3,9,12,45,64 Luật công chứng năm 2006;

- Khoản 7 Điều 113 và điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận việc tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Cụ thể như sau:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt về việc đề nghị xem xét lại việc cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam là bị đơn.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị Chung về việc đề nghị:

- Tuyên Văn bản công chứng là Hợp đồng thế chấp công chứng số 110849, quyển số 09/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt ngày 30/3/2011 là vô hiệu.

- Tuyên hủy Hợp đồng thế chấp công chứng số 110849, quyển số 09/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt ngày 30/3/2011.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị Chung. Hoàn trả lại cụ Nguyễn Thị Chung 200.000 đồng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0001165 ngày 25/02/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

3.2. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Văn phòng công chứng Việt 200.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0001445 ngày 10/9/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt 200.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0001449 ngày 11/9/2014 và 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0007446 ngày 11/10/2019 tại Chi cục THADS quận Cầu Giấy.

Hoàn trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007447 ngày 11/10/2019 tại Chi cục THADS

quận Cầu Giấy.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu HS/VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng